TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 419/2023/DS-PT
Ngày: 29-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1225/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hsieh Yu P, sinh năm 1972, Quốc tịch: Đài Loan;

Địa chỉ tạm trú: Lô 21, Đường số 4, Khu Công nghiệp Tân T, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nông Minh Đ (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/3/2019) (có mặt);

Địa chỉ liên lạc: Số 352 - 356, đường Võ Văn T, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ thường trú: Khu 6, xã Lang S, huyện Hạ H, tỉnh Phú Thọ;

Địa chỉ tạm trú: Đường số 2, Cụm Công nghiệp Liên H, ấp Bình T 2, xã Đ Hòa H1, huyện Đ Hòa, tỉnh Long An.

2.2. Công ty TNHH MTV nhựa Thế H;

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 3, Cụm Công nghiệp Liên H, ấp Bình T 2, xã Đ Hòa H1, huyện Đ Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị X – Giám đốc (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chi cục HQ cửa khẩu C1;

Địa chỉ trụ sở: Số 2, đường Lê Phụng H, phường Cát L, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt Th – Chi Cục trưởng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thế M – Phó Chi cục trưởng (Theo Giấy ủy quyền ngày 07/12/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Công ty ITI ;

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 4, số 28, đoạn 3, đường phía Đông Nanking, quận Zhongshan, thành phố Taibei, Đài Loan.

Người đại diện tại Việt Nam: Công ty TNHH Vận tải quốc tế ITI (nay là Công ty TNHH Tiếp vận Kỷ Ng MK);

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, Khu văn phòng Tòa nhà Pearl Plaza, số 561A Điện Biên P, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tiếp vận Kỷ Ng MK: Bà Trần Bảo Phương U – Giám đốc (vắng mặt).

3.3. Công ty HEH;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 105, hẻm 2, đoạn 5, đường Changlu (Chương Lộc Lý Đông Kỳ), thị trấn Lộc Cảng, huyện Chương Hóa 505, Đài Loan.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hsieh Yu P – Giám đốc (vắng mặt).

3.4. Công ty CHEER ;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 51-1, đường Qixin, thị trấn Tongxiao, huyện Miaoli 35742, Đài Loan.

- *Người kháng cáo:* Ông Nông Minh Đ là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 08/8/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Hsieh Yu P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2013 ông Hsieh Yu P có quen biết với bà Nguyễn Thị X do bà X đi hợp tác lao động tại Đài Loan và làm việc tại Công ty của ông P. Đến năm 2014 ông P có hùn vốn thành lập Công ty TNHH Hoành Ch (sau đây viết tắt là Công ty Hoành Ch), địa chỉ: Đường số 2, Cụm Công nghiệp Liên H, ấp Bình T 2, xã Đ Hòa H1, tỉnh Long An nên ông P có đưa bà X đến Công ty Hoành Ch để phiên dịch cho ông P và sau đó ông P với bà X quay lại Đài Loan.

Sau khi hết hợp đồng lao động thì bà X về Việt Nam mở Công ty TNHH MTV nhựa Thế H (sau đây viết tắt là Công ty Thế H), đến tháng 10/2015 bà X mua máy đùn keo của Công ty Hoành Ch nhưng do bà X không đủ tiền mua nên muốn vay tiền của ông P thì ông P đồng ý cho bà X vay tiền để mua 03 dàn máy đùn keo của Công ty Hoành Ch, việc giao nhận tiền giữa ông P với bà X diễn ra nhiều lần nhưng ông P không nhớ ngày giao và số tiền giao cụ thể của mỗi lần. Ông P chỉ nhớ lần đầu vào khoảng tháng 10/2015 ông P vay tiền của ông Chang để cho bà X vay (ông Cai Song Ch, địa chỉ: Số 4, đường Nguyễn Văn Vĩnh, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh), ông Chang trực tiếp giao tiền cho bà X và đi cùng với bà X đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Đ Hòa để chuyển tiền trả cho Công ty Hoành Ch và có lần khoảng tháng 11/2015 thì ông P, ông Chang, bà X cùng đi đến Ngân hàng để chuyển tiền mua máy đùn keo cho Công ty Hoành Ch, số tiền cụ thể thì ông P không nhớ. Ông P không nhớ chính xác số tiền từng lần đã giao cho bà X nhưng chỉ nhớ giao cho bà X tổng cộng 03 tỷ đồng tương đương với giá trị 03 dàn máy đùn keo mà Công ty Thế H mua của Công ty Hoành Ch. Việc giao nhận tiền không có lập biên bản nhưng có ghi âm trong đó bà X thừa nhận có nhận số tiền 03 tỷ đồng của ông P để mua máy. Ông P xác định ngày tính lãi vay là kể từ ngày ông đưa tiền vay lần cuối vào tháng 10/2016 với lãi suất 1,5%tháng.

Đến khoảng tháng 7/2016 bà X có gặp ông P trình bày muốn tăng sản lượng sản xuất của Công ty Thế H nên cần nhập thêm máy đùn keo và nguyên liệu nhựa, bà X có thỏa thuận với ông P là sau khi nhập máy về Công ty Thế H chạy thử nếu máy sản xuất bình thường thì thanh toán tiền cho ông P, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không lập hợp đồng bằng văn bản. Ngày 05/8/2016 ông P làm thủ tục để vận chuyển dàn máy đùn keo và nguyên liệu nhựa theo yêu cầu của bà X về Việt Nam theo vận đơn số TCHCM1608A411 ngày 06/8/2016, đến ngày 09/8/2016 Công ty Thế H đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu để nhận máy đùn keo và nguyên liệu nhựa tại Cảng Cát L, ngày 13/8/2016 Công ty nhận máy và vận chuyển về trụ sở Công ty Thế H tại Đường số 3 Cụm Công nghiệp Liên H. Đến cuối tháng 8/2016 Công ty Thế H đã lắp ráp máy xong và hoạt động bình thường. Đến tháng 9/2016 ông P có yêu câu bà X – Giám đốc Công ty Thế H thanh toán tiền máy đùn keo và nguyên liệu nhựa với trị giá là 946.000.000 đồng (theo tỷ giá qui đổi 43.354,5 USD sang VNĐ ngày 09/8/2016 – ngày bà X đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu)

nhưng bà X không thanh toán. Do đó vào tháng 01/2017 ông P có nộp đơn đến Ủy ban nhân dân xã Đ Hòa H1 nhờ giải quyết việc bà X không thanh toán tiền thì Ủy ban chỉ mời lên hòa giải và bà X có yêu cầu ông P cung cấp hợp đồng mua máy, nhưng việc mua bán không có lập hợp đồng nên Ủy ban xã không giải quyết.

Đến tháng 7/2017 ông P làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Long An yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị X trả lại cho ông P số tiền 03 tỷ đồng, số tiền ông P cho bà X vay để mua 03 dàn máy đùn keo của Công ty Hoàng Chương từ tháng 10/2016 và yêu cầu bà X phải chịu lãi suất 1,5%/tháng tính từ khi bà X nhận tiền của ông P đến khi xét xử sơ thẩm;

- Công ty TNHH MTV nhựa Thế H thanh toán cho ông P số tiền 946.000.000 đồng của dàn máy đùn keo và nguyên liệu nhựa và phải trả lãi suất 1,5%/tháng trên số tiền này kể từ ngày 09/8/2016 đến khi xét xử sơ thẩm.

Về căn cứ cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn có cung cấp đoạn ghi âm cho Tòa án là ghi âm cuộc điện thoại giữa ông P với bà X vào khoảng tháng 4/2017 tại Đài Loan thể hiện nội dung ông P gọi điện thoại cho bà X để yêu cầu bà X trả tiền dàn máy đùn keo và hạt nhựa theo vận đơn số TCHCM1608A411 mà phía Công ty Thế H đã nhận nhưng chưa thanh toán. Đoạn ghi âm đã được Tòa án tiến hành dịch sang tiếng Việt về nội dung thống nhất như bản dịch của Công ty TNHH dịch thuật Phương Đông.

Còn chứng cứ yêu cầu Công ty Thế H trả tiền dựa vào vận đơn, tờ khai xuất khẩu hàng hóa, hóa đơn, liệt kê hàng hóa. Về tờ khai HQ, do Công ty Thế H làm tờ khai HQ trùng với số vận đơn TCHCM1608A411 của ông P gửi cho Công ty Thế H và số Hóa đơn HY-160805T trên tờ khai HQ cũng trùng với số hóa đơn của Công ty Heh-Yeu do ông P làm đại diện. Việc Công ty Thế H làm thủ tục khai HQ tên Công ty khác nhằm để chiếm đoạt tài sản của Công ty Heh-Yeu. Đối với thủ tục khai HQ chỉ cần khai đủ nội dung số vận đơn, hóa đơn là đảm bảo để được thông quan nhận hàng hóa và thực tế Công ty Thế H đã nhận được lô hàng của ông P gửi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH MTV nhựa Thế H do bà Nguyễn Thị X đại diện trình bày:

Phía ông P nói giao máy đùn keo và nguyên liệu nhựa cho Công ty Thế H nhận nhưng không có chữ ký của bà ký nhận máy, ông P cũng không cung cấp được hợp đồng mua bán hay giao kèo mua bán giữa Công ty Thế H với ông P nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông P đối với Công ty nhựa Thế H.

Đối với lô hàng Công ty Thế H đã nhận theo vận đơn số TCHCM1608A411 là của Công ty Thế H mua của Công ty CHEER có địa chỉ tại Đài Loan, việc mua bán có lập Hợp đồng số: 05-2016 ngày 25/7/2016 đã cung cấp cho Tòa án. Còn Công ty Heh-Yeu đứng tên gửi hàng trên vận đơn thì Công ty Thế H không biết do sau khi thỏa thuận mua bán với Công ty CHEER thì khi nào có thông báo hàng về đến cảng thì Công ty Thế H làm thủ tục khai HQ để nhận hàng còn quá trình đóng

gói làm thủ tục xuất khẩu tại Đài Loan như thế nào thì Công ty Thế H không nắm được.

Bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông P yêu cầu bà trả 03 tỷ đồng và khoản lãi 1,5%/tháng bà không đồng ý. Nếu ông P có đưa tiền cho bà đề nghị ông P cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Về số tiền bà dùng để thành lập Công ty là tiền của bà khi hợp tác lao động tại Đài Loan và vay mượn thêm của người thân.

Về nội dung ghi âm chỉ là nội dung nói chuyện thông thường không có nội dung ông P yêu cầu bà trả tiền hay mua bán gì. Nội dung ghi âm ông P có hỏi tôi "họ nói tôi không góp tiền, vậy tôi hỏi cô máy móc thuộc về ai. Máy màu xanh?" tôi trả lời là máy của Công ty Thế H nhưng thực tế máy móc của Công ty có nhiều máy màu xanh nên tôi chỉ xác định các máy móc đều của Công ty Thế H. Về nội dung bản dịch đoạn ghi âm cuộc gọi điện thoại là đúng nhưng thời gian tháng 4/2017 và địa điểm ghi âm cuộc gọi tại Đài Loan là không chính xác do từ năm 2015 bà không có sang Đài Loan.

Đại diện Chi cục HQ cửa khẩu C1 trình bày:

Về thủ tục HQ để nhập khẩu đối với lô hàng của Công ty Thế H có mã vận đơn số TCHCM1608A411 do tàu viễn dương LINDAVIA V.009B vận chuyển đến cảng Cát L đúng theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ và Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài Chính. Trên vận đơn số TCHCM1608A411 người gửi hàng là HEH YEU PLASTIC CORP, người nhận hàng là Công ty TNHH MTV nhựa Thế H. Đến khi Công ty Thế H thực hiện thủ tục khai HQ lại ghi trên tờ khai HQ bên xuất khẩu là CHEER nhưng trên vận đơn lại không có thông tin của CHEER thì việc khai HQ của Công ty Thế H đúng quy định pháp luật của Việt Nam và thông lệ mua bán quốc tế. Theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015 thì: "Vận đơn là chứng từ vận chuyển làm bằng chứng về việc người vận chuyển đã nhận hàng hóa với số lượng chủng loại, tình trạng như được ghi trong vận đơn để vận chuyển đến nơi trả hàng, bằng chứng về sở hữu hàng hóa dùng để định đoạt, nhận hàng và là bằng chứng của hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển".

Trên Vận tải đơn (B/L) số TCHCM1608A411 ngày 06/08/2016 thể hiện ở ô đầu tiên bên trái: Shipper là HEH YEU PLASTIC CORP. Theo Luật Hàng hải quốc tế, Luật Hàng hải của nhiều nước thì "Shipper" là người hoặc công ty giao kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo chứng từ vận chuyển. Như vậy người gửi hàng (shipper) trên vận đơn không nhất thiết phải là nhà xuất khẩu. Căn cứ hướng dẫn tại điểm 1.20, phụ lục II Thông tư số 38/2015/TTBTC ngày 25/3/2015 thì tên người xuất khẩu (Exporter) là người bán hàng theo hợp đồng mua bán hàng hóa nhập khẩu. Căn cứ khoản 2 Điều l6 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, hồ sơ HQ đối với hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp này không phải xuất trình, nộp cho cơ quan HQ hợp đồng mua bán. Đồng thời theo thông lệ quốc tế, hóa đơn thương mại là khâu cơ bản của chứng từ thanh toán, do người bán hàng phát hành để yêu cầu

người mua trả số tiền hàng trên hóa đơn. Trong trường hợp này, người xuất khẩu và người bán hàng là Cheer Founftain Inc.

ITI do Công ty TNHH Vận tải quốc tế ITI đại diện tại Việt Nam (nay là Công ty TNHH Tiếp vận Kỷ Ng MK) có bà Trần Bảo Phương Uyên là người đại diện theo pháp luật của Công ty Kỷ Ng MK trình bày:

ITI thực hiện vận chuyển hàng theo vận đơn số TCHCM1608A411 ngày 06/08/2016 theo yêu cầu của Heh-Yeu Plastic Corp, Công ty Kỷ Ng MK không biết ai là CHEER FOUNDTAIN INC. Khi nhận hàng hóa để vận chuyển thì theo thông lệ quốc tế về hàng hải thì người gửi hàng phải cung cấp thông tin hàng hóa cho Công ty Kỷ Ng MK để làm Vận đơn đường biển. Còn Packing list (thống kê hàng hóa) và Invoice (hóa đơn) thì người gửi hàng tự làm, họ không cung cấp cho Công ty Kỷ Ng MK. Khi giao hàng cho người nhận thì Công ty Kỷ Ng MK giao Lệnh Giao Hàng (D/Q) trên bằng "Vận Đơn điện giao hàng" (Bill Telex Release) nên Công ty Kỷ Ng MK chỉ thu một giấy giới thiệu như đính kèm từ người nhận hàng trên vận đơn là Công ty TNHH nhựa MTV Thế H. Công ty Kỷ Ng MK không làm dịch vụ khai báo HQ cho lô hàng trên. Công ty Thế H cung cấp tờ khai HQ và các thủ tục có liên quan cho HQ trước khi nhận hàng từ cảng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty HEH: Tòa án đã thực hiện ủy thác sang Đài Loan cho đương sự yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và ý kiến đối với các nội dung sau:

- HEH có phải chính là bên gửi hàng cho Công ty TNHH MTV nhựa Thế H theo vận đơn số TCHCM1608A411 ngày 06/8/2016 của ITI hay không? Lô hàng này là những hàng hóa gì? Có phải là dàn máy đùn keo và nguyên liệu nhựa hay không?

- Lô hàng theo vận đơn số TCHCM1608A411 ngày 06/8/2016 của ITI do HEH đứng bên gửi hàng và làm thủ tục xuất khẩu là tài sản của HEH hay của cá nhân ông Hsieh Yu P?

- Nếu là tài sản của ông Hsieh Yu P thì giữa ông Hsieh Yu P với HEH có văn bản thỏa thuận gì để HEH làm thủ tục xuất khẩu lô hàng này hay không?

- HEH có quan hệ mua bán với Công ty TNHH MTV nhựa Thế H hoặc bà Nguyễn Thị X – Giám đốc Công ty TNHH MTV nhựa Thế H hay không?

- HEH có quan hệ hợp tác, mua bán với CHEER hay không?

- Đối với hóa đơn số HY-160805T ngày 05/8/2016 do ông Hsieh Yu P trình bày thì HEH có sử dụng để khai báo thuế tại Đài Loan hay không? Về số ký hiệu trên hóa đơn "HY-160805T" thì pháp luật Đài Loan có quy định Công ty phải ghi ký hiệu như thế nào hay không?

- Cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc xuất khẩu, gửi và vận chuyển hàng hóa theo Vận đơn số TCHCM1608A411 ngày 06/8/2016 của ITI ? Hồ sơ khai

báo thuế đối với hóa đơn số HY-160805T ngày 05/8/2016 và cung cấp các hóa đơn mua bán khác để so sánh về ký hiệu trên hóa đơn của HEH.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty CHEER : Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp sang Đài Loan theo quy định cho CHEER và có yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và ý kiến đối với các nội dung sau:

- CHEER có bán hàng hóa (máy đùn keo, nguyên liệu nhựa) cho Công ty TNHH MTV nhựa Thế H theo hợp đồng số 05-2016/IM ngày 25/7/2016 hay không?

- CHEER khi bán hàng hóa cho Công ty Thế H theo hợp đồng số 05-2016/IM ngày 25/7/2016 thực hiện vận chuyển hàng hóa và giao nhận hàng như thế nào?

- Khi xuất hàng hóa sang Việt Nam cho Công ty Thế H thì CHEER có làm thủ tục xuất khẩu đối với các loại hàng hóa theo hợp đồng hay không?

- Vậy CHEER gửi hàng hóa bằng hình thức nào, việc đóng gói hàng hóa được thực hiện như thế nào?

- Đối với hóa đơn số HY-160805T ngày 05/8/2015 theo trình bày của Công ty TNHH MTV nhựa Thế H thì CHEER có làm thủ tục khai báo thuế thu nhập doanh nghiệp tại Đài Loan hay không? Số tiền theo hóa đơn trên thì Công ty TNHH MTV nhựa Thế H đã thanh toán cho CHEER hay chưa? Cung cấp chứng từ khai báo thuế và thanh toán nếu có?

- Cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc xuất khẩu, gửi và vận chuyển hàng hóa theo hợp đồng số 05-2016/IM ngày 25/7/2016 giữa CHEER với Công ty TNHH MTV nhựa Thế H?

Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho HEH, CHEER FOUNTAIN IN thông qua Bộ Tư pháp và đã nhận được kết quả tống đạt cho các đương sự. Đến nay đã hết thời hạn để các đương sự cung cấp chứng cứ nhưng Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ theo yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 26, 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hsieh Yu P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị X phải trả tiền vay và tiền lãi vay tổng cộng là 6.390.000.000 đồng (gồm 3.000.000.000đ tiền gốc và 3.390.000.000đ tiền lãi).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hsieh Yu P về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV nhựa Thế H phải thanh toán tiền mua máy đùn keo và

nguyên liệu nhựa và tiền lãi chậm trả tổng cộng là 1.932.997.234 đồng (gồm 983.713.605đ nợ gốc và 949.283.629đ tiền lãi chậm trả).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/01/2022 ông Nông Minh Đ là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Nguyên đơn ông Hsieh Yu P có đại diện hợp pháp trình bày:* Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi vì chứng cứ là đoạn ghi âm chứng minh bà X có vay 3 tỷ đồng. Tiền mua hàng là căn cứ vào các vận đơn mà hàng hóa là do Công ty TNHH MTV Thế H nhận và đưa vào hoạt động kinh doanh.

- *Bị đơn trình bày:* Không đồng ý toàn bộ kháng cáo của ông P do ông Đ làm đại diện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật: Xét thấy, Thẩm phán Chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của đương sự: Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hsieh Yu P là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hsieh Yu P, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Hsieh Yu P kháng cáo trong thời hạn luật định nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm, theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Hsieh Yu P khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền vay và thanh toán tiền mua hàng hóa, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản". Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là Công ty Thế H có địa chỉ trụ sở chính tại: Đường số 3 Cụm Công nghiệp Liên H, ấp Bình T 2, xã Đ Hòa H1, huyện Đ Hòa, tỉnh Long An; Công ty HEH, Công ty CHEER có địa chỉ

trụ sở tại Đài Loan là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nên căn cứ Điều 26, 37, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Long An có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[2] Xét về nội dung cũng như kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu đòi tiền vay và khoản tiền lãi tổng cộng 6.390.000.000 đồng (gồm 03 tỷ đồng tiền gốc và 3.390.000.000 đồng tiền lãi).

Ông P trình bày ông cho bà X vay tổng cộng nhiều lần với số tiền 03 tỷ đồng, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng hoặc biên nhận bằng văn bản, để bà X mua dàn máy đùn keo của Công ty Hoành Ch. Chứng cứ ông P cung cấp cho Tòa án là đoạn ghi âm cuộc trò chuyện giữa ông P với bà X trong đó ông P cho rằng bà X thừa nhận có vay của ông P 03 tỷ đồng.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi nghe và xem bản lược âm cuộc trò chuyện giữa ông P và bà X, thì không có câu từ nào thể hiện hai bên có đề cập đến số tiền 03 tỷ đồng, trong khi trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà X đều không thừa nhận có việc vay nợ này, ông P cũng không có chứng cứ gì khác chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông P.

[2.2] Đối với yêu cầu đòi thanh toán tiền mua máy đùn keo và nguyên liệu nhựa cùng khoản tiền lãi tổng cộng 1.932.997.234 đồng (gồm số tiền nợ gốc là 983.713.605đ và tiền lãi phát sinh là 949.283.629đ).

Nguyên đơn cung cấp hồ sơ xuất khẩu thể hiện: Tờ khai xuất khẩu ngày 05/8/2016 (đã hợp pháp hóa lãnh sự) ghi người xuất khẩu là Heh-Yeu Plastic Corp, người mua là Công ty Thế H, ký hiệu kiện hàng số YMMU6007550; Vận đơn số TCHCM 1608A411 ngày 06/08/2016 thể hiện ô đầu tiên bên trái bên gửi hàng là HEH YEU PLASTIC CORP, bên nhận hàng là Công ty Thế H, ký hiệu kiện hàng số (số cont) YMMU6007550; hóa đơn bán hàng số HY-160805T ngày 05/8/2016 do HEH YEU PLASTIC CORP xuất hóa đơn.

Bên Công ty Thế H cung cấp hồ sơ nhập khẩu thể hiện: Tờ khai nhập khẩu ngày 09/8/2016 ghi người xuất khẩu là Công ty CHEER , người nhập khẩu là Công ty Thế H, Vận đơn số TCHCM 1608A411 ngày 06/08/2016, hóa đơn bán hàng số HY-160805T ngày 05/8/2016 do CHEER xuất (trùng với số hóa đơn của HEH YEU PLASTIC CORP xuất); Danh sách (phiếu) đóng gói ngày 05/8/2016 do CHEER lập thì phía trên góc trái có số HY-160805T ngày 05/8/2016; Hợp đồng số: 05-2016 ngày 25/7/2016 thể hiện bên bán là CHEER , bên mua là Công ty Thế H.

Tại khoản 2 Điều 148, Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 2015 quy định: "*Vận đơn là chứng từ vận chuyển làm bằng chứng về việc người vận chuyển đã nhận hàng hóa với số lượng chủng loại, tình trạng như được ghi trong vận đơn để vận chuyển đến nơi trả hàng bằng chứng về sở hữu hàng hóa dùng để định đoạt, nhận hàng và là bằng chứng của hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển*". Do

đó, HEH YEU PLASTIC CORP là shipper, người gửi hàng (shipper) trên vận đơn không nhất thiết phải là nhà xuất khẩu như ý kiến trình bày của Chi cục HQ cửa khẩu C1.

Xét, hồ sơ xuất khẩu của nguyên đơn thể hiện bên xuất khẩu và bên gửi hàng là một, đó là HEH YEU PLASTIC CORP; hồ sơ nhập khẩu của Công ty Thế H thể hiện bên xuất khẩu là CHEER còn bên gửi hàng là HEH YEU PLASTIC CORP; các hóa đơn bán hàng do HEH YEU PLASTIC CORP và CHEER xuất thì số ký hiệu và ngày xuất trùng nhau; lời khai của bà X trước đó cho rằng Công ty Thế H đã thanh toán xong tiền mua máy đùn keo và nguyên liệu nhựa cho Công ty CHEER nhưng tại phiên tòa hôm nay cho rằng vẫn chưa thanh toán. Vì vậy, để xác định được HEH YEU PLASTIC CORP hay CHEER là bên xuất khẩu, bên bán hàng cũng như xác định hàng hóa này là của HEH YEU PLASTIC CORP hay của cá nhân ông P thì cần thu thập thêm tài liệu, chứng từ và ý kiến trình bày của hai Công ty. Nên Tòa sơ thẩm đã ủy thác cho hai công ty nhằm làm rõ sự việc, đến khi đã hết thời hạn để các đương sự cung cấp chứng cứ Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ theo yêu cầu. Riêng các chứng từ, tài liệu do ông P cung cấp chỉ thể hiện được HEH YEU PLASTIC CORP là bên xuất khẩu, bên giao hàng, không có chứng từ, tài liệu hay chứng cứ gì thể hiện hàng hóa này là của cá nhân ông P.

Do vậy, xét thấy ông P không chứng minh được tài sản hàng hóa trên là của cá nhân ông P nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P đòi Công ty Thế H thanh toán tiền mua máy đùn keo và nguyên liệu nhựa cùng khoản tiền lãi tổng cộng 1.932.997.234 đồng là có căn cứ.

Công ty HEH YEU PLASTIC CORP vẫn có quyền khởi kiện Công ty Thế H để đòi thanh toán tiền mua máy đùn keo và nguyên liệu nhựa cùng khoản tiền lãi trong vụ án khác, nếu các bên phát sinh tranh chấp và không thương lượng được.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Hsieh Yu P kháng cáo nhưng cũng không đưa ra chứng cứ, tài liệu nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo cũng như là yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ.

Do vậy xét thấy bản án sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hsieh Yu P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị X phải trả tiền vay và tiền lãi vay tổng cộng là 6.390.000.000 đồng (gồm 3.000.000.000đ tiền gốc và 3.390.000.000đ tiền lãi). Và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hsieh Yu P về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV nhựa Thế H phải thanh toán tiền mua máy đùn keo và nguyên liệu nhựa và tiền lãi chậm trả tổng cộng là 1.932.997.234 đồng (gồm 983.713.605đ nợ gốc và 949.283.629đ tiền lãi chậm trả) là có căn cứ pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Hsieh Yu P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hsieh Yu P. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng Điều 430, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hsieh Yu P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị X phải trả tiền vay và tiền lãi vay tổng cộng là 6.390.000.000 đồng (gồm 3.000.000.000đ tiền gốc và 3.390.000.000đ tiền lãi).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hsieh Yu P về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV nhựa Thế H phải thanh toán tiền mua máy đùn keo và nguyên liệu nhựa và tiền lãi chậm trả tổng cộng là 1.932.997.234 đồng (gồm 983.713.605đ nợ gốc và 949.283.629đ tiền lãi chậm trả).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hsieh Yu P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000163 ngày 18/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An (Đại diện ông P đã nộp xong).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Trúc).

Vương Minh Tâm

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công **Nguyễn Văn Minh** **Vương Minh Tâm**